| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ GIÁ RAI**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 53/2018/QĐST – HNGĐ | *Giá Rai, ngày 26 tháng 3 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2018/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Bích L** sinh năm 1979

Địa chỉ: khóm B, phường M, thị xã G, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc H** sinh năm 1983

Địa chỉ: khóm B, phường M, thị xã G, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Chị Nguyễn Bích L và anh Nguyễn Quốc H.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1/ Về hôn nhân: anh H và Chị L thống nhất chung sống từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 63 quyển số 05 ngày 14/6/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn G (nay là Ủy ban nhân dân phường M). Hai bên thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2/ Về con chung: Hai bên thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thái V1 sinh ngày 27/11/2003 và Nguyễn Thái V2 sinh ngày 19/3/2005. Chị L và anh H thống nhất tự nguyện thỏa thuận giao 02 con chung cho chị Nguyễn Bích L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh H được tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con do Chị L

không yêu cầu. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ tới lui, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

2.3/ Về tài sản chung: Anh H, Chị L thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2.4/ Về án phí sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình anh H, Chị L mỗi người phải nộp 75.000 đồng nhưng Chị L tự nguyện nộp thay án phí cho anh H; như vậy án phí Chị L phải nộp là 150.000 đồng; chị đã dự nộp 300.000 đồng lai thu số 0010871 ngày 02/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Giá Rai chuyển thu án phí 150.000 đồng và Chị L được nhận lại 150.000 đồng.

***Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.***

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- UBND phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
(đã ký)

**Giang Thị Cẩm Thúy**